CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ TRÍ VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

đã được kiểm toán

CNT887A171 L2698-60001

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	**2 - 3**
Báo cáo kiểm toán độc lập	**4 - 5**
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	**6 - 24**
Bảng cân đối kế toán	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Trí Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Trí Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số là 0106065776 ngày 20 tháng 12 năm 2012 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.000.000.000 đồng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 04 ngày 13 tháng 02 năm 2014 là 69.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm:

- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Quản lý các chương trình hành chính quản trị;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Dịch vụ văn phòng hành chính tổng hợp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 142 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 24).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Thanh Tùng	Chủ tịch	
Ông Hán Công Khanh	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2014
Bà Hoàng Võ Phượng Trang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2014
		Miễn nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2014
Ông Quách Mạnh Hào	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2014
Ông Lê Việt	Ủy viên	
Ông Đỗ Thanh Hà	Ủy viên	
Ông Nguyễn Đức Anh Tuấn	Ủy viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Đức Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2013
Bà Nguyễn Thúy Dương	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2013
Ông Hán Công Khanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Kim Phượng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 7 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Huệ	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 7 năm 2014

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2014
TM. Ban lãnh đạo Công ty
Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ TRÍ VIỆT

Phạm Thanh Tùng

Số : 87.01/2014/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ TRÍ VIỆT

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Trí Việt, được lập ngày 04 tháng 8 năm 2014, từ trang đến trang 06 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Trí Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Headquarters
29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi
No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

Báo cáo kiểm toán độc lập này được phát hành lại, thay thế cho Báo cáo kiểm toán độc lập số 87/2014/BCKT-AASCN ngày 26 tháng 3 năm 2014 của chúng tôi về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt được lập ngày 24 tháng 3 năm 2014. Nguyên nhân, trình bày lại số dư tại 31 tháng 12 năm 2013 của khoản chuyển tiền mua cổ phần Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt, số tiền là 14.245.758.000 đồng đã trình bày trên khoản mục "Trả trước cho người bán" sang khoản mục "Tài sản ngắn hạn khác" theo các phụ lục hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt.

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2014

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt
Giám đốc

Bùi Ngọc Vương
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Kiểm toán viên

Bùi Thị Ngọc Lân
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**38.004.573.589**	**-**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	V.01	**8.737.790.402**	**-**
1.	Tiền	111		5.392.565.435	-
2.	Các khoản tương đương tiền	112		3.345.224.967	-
II.	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**	**V.02**	**4.816.136.283**	**-**
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		4.816.136.283	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**8.670.908.904**	**-**
1.	Phải thu khách hàng	131		8.419.022.540	-
2.	Trả trước cho người bán	132		-	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.03	251.886.364	-
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**		**-**	**-**
1.	Hàng tồn kho	141		-	-
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**15.779.738.000**	**-**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.04	15.779.738.000	-

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**73.323.467**	**-**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**-**	**-**
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**-**	**-**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
	- Nguyên giá	*222*		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*223*		-	-
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	*225*		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*226*		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	*228*		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*229*		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III.	**Bất động sản đầu tư**	**240**		**-**	**-**
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		**-**	**-**
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**73.323.467**	**-**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.05	73.323.467	-
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**38.077.897.056**	**-**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**6.456.988.806**	**-**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**6.456.988.806**	**-**
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.06	3.471.445.089	-
2.	Phải trả người bán	312		1.400.000	-
3.	Người mua trả tiền trước	313		-	-
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.07	734.878.711	-
5.	Phải trả người lao động	315		2.246.460.006	-
6.	Chi phí phải trả	316		-	-
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.08	2.805.000	-
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**-**	**-**
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
B.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**31.620.908.250**	**-**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**V.09**	**31.620.908.250**	**-**
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.620.908.250	-
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		**-**	**-**
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**38.077.897.056**	**-**

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Thị Kim Phượng	Nguyễn Thị Kim Phượng	Phạm Thanh Tùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 20 tháng 12 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 20/12/2012 đến 31/12/2013
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**VI.01**	**4.507.272.725**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**10**		**4.507.272.725**
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	2.377.000.006
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**		**2.130.272.719**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	5.633.847.723
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	4.502.594.847
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*1.019.635.830*
8.	Chi phí bán hàng	24		-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.345.209.982
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**1.916.315.613**
11.	Thu nhập khác	31		-
12.	Chi phí khác	32		-
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**-**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**1.916.315.613**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.05	295.407.363
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17.	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**60**		**1.620.908.250**
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**VI.06**	**589**

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Thị Kim Phượng	Nguyễn Thị Kim Phượng	Phạm Thanh Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ TRÍ VIỆT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 20 tháng 12 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 20/12/2012 đến 31/12/2013
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**			
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***		***1.916.315.613***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản***			
-	Khấu hao tài sản cố định	02		-
-	Các khoản dự phòng	03		-
-	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-
-	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(208.579.999)
-	Chi phí lãi vay	06		1.019.635.830
3.	***Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động***	***08***		***2.727.371.444***
-	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(9.996.638.904)
-	(Tăng)/giảm hàng tồn kho, chứng khoán thương mại	10		(3.150.136.283)
-	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		2.690.136.354
-	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(73.323.467)
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(1.019.635.830)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(14.245.758.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(23.067.984.686)***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**			
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.666.000.000)
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		329.999
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(1.665.670.001)***

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 20/12/2012 đến 31/12/2013
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		30.000.000.000
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		58.171.172.706
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(54.699.727.617)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***33.471.445.089***
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**8.737.790.402**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**-**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**		**8.737.790.402**

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Thị Kim Phượng	Nguyễn Thị Kim Phượng	Phạm Thanh Tùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Từ ngày 20 tháng 12 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm:

- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Quản lý các chương trình hành chính quản trị;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Dịch vụ văn phòng hành chính tổng hợp.

Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, một số ngành nghề được cấp phép nhưng trong kỳ kế toán chưa phát sinh tại Công ty bao gồm:

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến sản phẩm;
- Đại lý môi giới, đấu giá ((không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân bổ vào đâu.
  Chi tiết: Các dịch vụ ủy thác trên cơ sở phí và hợp đồng, tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Riêng năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 20 tháng 12 năm 2012 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

03. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh là giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

04. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

05. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

06. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:
- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

07. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty áp dụng cho 6 tháng cuối năm 2013 là 20% theo quy định tại thông tư 141/2013/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	1.582.449.800	-
- Tiền gửi ngân hàng	3.810.115.635	-
- Tiền tại tài khoản giao dịch chứng khoán	3.345.224.967	-
Cộng	**8.737.790.402**	**-**

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a. Đầu tư ngắn hạn		**4.816.136.283**		-
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		***3.150.136.283***		-
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (ASP)	56.330	400.308.275	-	-
+ Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB)	170.000	2.017.305.692	-	-
+ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (EIB)	60.000	732.522.316	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác		***1.666.000.000***		-
+ Cho vay		1.666.000.000		-
Cộng		**4.816.136.283**		**-**

Đơn vị tính: VND

03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu khác	251.886.364	-
+ Phải thu về lãi cho vay	*208.250.000*	-
+ Khác	*43.636.364*	-
Cộng	**251.886.364**	**-**

04. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tạm ứng	1.533.980.000	-
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	14.245.758.000	-
Cộng	**15.779.738.000**	**-**

(*): Khoản đặt cọc mua 4.748.586 cổ phần Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt tỷ lệ sở hữu sau khi mua là 49,463%. Đến ngày 12 tháng 02 năm 2014, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã ban hành Quyết định số 65/QĐ-UBCK chấp thuận cho Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Trí Việt "mua trên 10% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt".

05. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	73.323.467	-
Cộng	**73.323.467**	**-**

06. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay ngân hàng	-	-
- Vay margin đầu tư chứng khoán ngắn hạn	3.471.445.089	-
Cộng	**3.471.445.089**	**-**

07. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	439.471.348	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	295.407.363	-
Cộng	**734.878.711**	**-**

08. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.805.000	-
Cộng	**2.805.000**	**-**

Đơn vị tính: VND

09. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	-	-	-
Tăng vốn trong năm	30.000.000.000	-	30.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	1.620.908.250	1.620.908.250
Tăng khác	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm nay	**30.000.000.000**	**1.620.908.250**	**31.620.908.250**

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Bà Nguyễn Thúy Dương	1.500.000.000	-
+ Ông Hán Công Khanh	3.000.000.000	-
+ Ông Nguyễn Đức Anh Tuấn	1.500.000.000	-
+ Ông Phạm Thanh Tùng	12.000.000.000	-
+ Ông Lê Việt	9.000.000.000	-
+ Ông Đỗ Thanh Hà	3.000.000.000	-
Cộng	**30.000.000.000**	**-**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 20/12/2012 đến 31/12/2013
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp đầu năm	-
+ Vốn góp tăng trong năm	30.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-
+ Vốn góp cuối năm	30.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	-
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	-
+ Cổ phiếu phổ thông	*3.000.000*	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	-
+ Cổ phiếu phổ thông	*3.000.000*	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 20/12/2012 đến 31/12/2013
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.507.272.725
Cộng	**4.507.272.725**

02. Giá vốn hàng bán

	Từ 20/12/2012 đến 31/12/2013
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.377.000.006
Cộng	**2.377.000.006**

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 20/12/2012 đến 31/12/2013
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	208.579.999
- Lãi kinh doanh chứng khoán	5.425.267.724
Cộng	**5.633.847.723**

04. Chi phí tài chính

	Từ 20/12/2012 đến 31/12/2013
- Lãi tiền vay	1.019.635.830
- Lỗ kinh doanh chứng khoán	3.370.558.800
- Chi phí tài chính khác	112.400.217
Cộng	**4.502.594.847**

05. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 20/12/2012 đến 31/12/2013
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	295.407.363
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**295.407.363**

(*): ***Chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành***

Nội dung	**Số tiền**
Lợi nhuận trước thuế	1.916.315.613
Điều chỉnh tăng (chi phí không có chứng từ hợp lệ)	2.000.000
Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được ghi giảm giá vốn khoản đầu tư chứng khoán)	605.394.000
Lợi nhuận tính thuế	1.312.921.613
Thuế TNDN 6 tháng đầu năm	164.115.202
Thuế TNDN 6 tháng cuối năm	131.292.161
Thuế thu nhập doanh nghiệp	**295.407.363**

Đơn vị tính: VND

06. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 20/12/2012 đến 31/12/2013
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	1.620.908.250
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.620.908.250
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.753.191
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**589**

07. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 20/12/2012 đến 31/12/2013
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-
- Chi phí nhân công	3.243.000.006
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	479.209.982
- Chi phí khác bằng tiền	-
Cộng	**3.722.209.988**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan theo chuẩn mực Kế toán gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Phạm Thanh Tùng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đỗ Thanh Hà	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Phạm Thanh Trực	Là bố của Ông Phạm Thanh Tùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Ngô Thu Hà	Là mẹ của ông Nguyễn Đức Anh Tuấn - Tổng Giám đốc
Bà Lê Thanh Nga	Là vợ của Ông Đỗ Thanh Hà - thành viên Hội đồng quản trị
Bà Phạm Thị Thanh Huyền	Là chị ruột của Ông Phạm Thanh Tùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan phát sinh trong năm như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 20/12/2012 đến 31/12/2013
Ông Phạm Thanh Tùng	
Đặt cọc để mua 982.311 cổ phần Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	2.946.933.000
Ông Đỗ Thanh Hà	
Đặt cọc để mua 384.000 cổ phần Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	1.152.000.000
Ông Phạm Thanh Trực	
Đặt cọc để mua 1.315.096 cổ phần Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	3.945.288.000
Bà Phạm Thị Thanh Huyền	
Đặt cọc để mua 1.217.129 cổ phần Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	3.651.387.000
Bà Lê Thanh Nga	
Đặt cọc để mua 420.050 cổ phần Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	1.260.150.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.955.758.000

Trong năm, Công ty không phát sinh việc chi trả thu nhập cho các thành viên chủ chốt.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	**Mối quan hệ**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	Ông Phạm Thanh Tùng là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Trí Việt, đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 20/12/2012 đến 31/12/2013
Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	
Mua tài sản thanh lý của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt (không bao gồm thuế Giá trị gia tăng)	110.009.273

02. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính là: Dịch vụ (nghiên cứu thị trường, thăm dò dư luận và dịch vụ tư vấn quản lý hành chính) và hoạt động đầu tư tài chính.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

	Dịch vụ	Đầu tư tài chính	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	4.507.272.725	5.633.847.723	10.141.120.448
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
Chi phí phân bổ	2.974.885.446	5.249.919.389	8.224.804.835
Lợi nhuận từ hoạt động KD	1.532.387.279	383.928.334	1.916.315.613
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-
Số dư cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	3.593.323.467	28.952.371.790	32.545.695.257
Tài sản không phân bổ			5.532.201.799
Tổng tài sản	**3.593.323.467**	**28.952.371.790**	**38.077.897.056**
Nợ phải trả bộ phận	1.747.860.006	3.471.445.089	5.219.305.095
Nợ phải trả không phân bổ			1.237.683.711
Tổng nợ phải trả	**1.747.860.006**	**3.471.445.089**	**6.456.988.806**

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Đơn vị tính: VND

03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.737.790.402	-	-	-	8.737.790.402	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.670.908.904	-	-	-	8.670.908.904	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.816.136.283	-	-	-	4.980.576.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	**22.224.835.589**	**-**	**-**	**-**	**22.389.275.306**	**-**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	1.400.000	-	1.400.000	-
Vay và nợ	3.471.445.089	-	3.471.445.089	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	2.805.000	-	2.805.000	-
Cộng	**3.475.650.089**	**-**	**3.475.650.089**	**-**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

04. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

05. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	1.400.000	-	-	1.400.000
Vay và nợ	3.471.445.089	-	-	3.471.445.089
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	2.805.000	-	-	2.805.000
Cộng	**3.475.650.089**	**-**	**-**	**3.475.650.089**
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	-	-	-	-
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	**-**	**-**	**-**	**-**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

06. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Công ty chưa phát sinh giao dịch liên quan đến ngoại tệ nên chưa có rủi ro về ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

07. Thông tin so sánh

Năm tài chính từ ngày 20 tháng 12 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty là năm tài chính đầu tiên. Vì vậy, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty không có số liệu so sánh.

08. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Thị Kim Phượng	Nguyễn Thị Kim Phượng	Phạm Thanh Tùng